

Phụ lục II

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1288/QĐ- SYT ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn)

STT	Mã KCB	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	Số lượng	Ghi chú
1	20-001	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lạng Sơn	500	
2	20-003	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	17.647	
3	20-006	Trung tâm y tế khu vực Tràng Định	11.676	
4	20-007	Trung tâm y tế khu vực Bình Gia	9.010	
5	20-008	Trung tâm y tế khu vực Văn Lãng	6.579	
6	20-009	Trung tâm y tế khu vực Bắc Sơn	8.080	
7	20-010	Trung tâm y tế khu vực Văn Quan	6.273	
8	20-011	Trung tâm y tế khu vực Cao Lộc	35.522	
9	20-012	Trung tâm y tế khu vực Lộc Bình	11.734	
10	20-014	Trung tâm y tế khu vực Chi Lăng	13.388	
11	20-015	Trung tâm y tế khu vực Đình Lập	4.946	
12	20-016	Trung tâm y tế khu vực Hữu Lũng	18.143	
13	20-019	Bệnh viện Phổi Lạng Sơn	500	
14	20-020	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lạng Sơn	3.447	
15	20-031	Trạm Y tế Phường Lương Văn Tri -Điểm trạm Quảng Lạc	200	
16	20-032	Trạm Y tế phường Đông Kinh - Điểm trạm Mai Pha	269	
17	20-033	Trạm Y tế Phường Tam Thanh - Điểm trạm Hoàng Đồng	1.793	
18	20-036	Trạm Y tế xã Thất Khê - Điểm trạm Chi Lăng	2.777	
19	20-037	Trạm Y tế xã Tràng Định	4.851	
20	20-039	Trạm Y tế xã Quốc Khánh	4.448	
21	20-040	Trạm Y tế xã Quốc Khánh - Điểm trạm Quốc Khánh	5.964	
22	20-041	Trạm Y tế xã Quốc Khánh - Điểm trạm Đội Cấn	1.062	
23	20-042	Trạm Y tế xã Kháng Chiến - Điểm trạm Kháng Chiến	2.560	
24	20-043	Trạm Y tế xã Tràng Định - Điểm trạm Hùng Việt	1.451	
25	20-044	Trạm Y tế xã Quốc Việt	2.848	
26	20-045	Trạm Y tế xã Kháng Chiến - Điểm trạm Tân Minh	1.321	
27	20-046	Trạm Y tế xã Kháng Chiến	1.110	
28	20-047	Trạm Y tế Xã Thất Khê - Điểm trạm Chí Minh	1.307	
29	20-048	Trạm Y tế xã Tân Tiến - Điểm trạm Kim Đồng	2.261	
30	20-049	Trạm Y tế xã Tân Tiến	2.776	
31	20-050	Trạm Y tế xã Đoàn Kết	1.309	
32	20-052	Trạm Y tế xã Tân Tiến - Điểm trạm Tân Yên	765	
33	20-053	Trạm Y tế xã Đoàn Kết - Điểm trạm Cao Minh	829	
34	20-055	Trạm Y tế xã Đoàn Kết - Điểm trạm Khánh Long	1.295	
35	20-056	Trạm Y tế xã Quốc Việt - Điểm trạm Đào Viên	1.976	
36	20-058	Trạm Y tế xã Hồng Phong - Điểm trạm Minh Khai	2.168	
37	20-059	Trạm Y tế xã Thiện Thuật - Điểm trạm Quang Trung	2.778	
38	20-060	Trạm Y tế xã Thiện Hòa - Điểm trạm Yên Lỗ	2.455	
39	20-061	Trạm Y tế xã Thiện Thuật	3.254	
40	20-062	Trạm Y tế xã Hoa Thám	3.425	
41	20-063	Trạm Y tế xã Quý Hòa	2.297	
42	20-064	Trạm Y tế xã Thiện Hòa	3.050	
43	20-065	Trạm Y tế xã Thiện Long	1.265	
44	20-066	Trạm Y tế xã Thiện Long - Điểm Trạm Thiện Long	2.528	
45	20-067	Trạm y tế Tân Văn	3.003	
46	20-068	Trạm Y tế xã Bình Gia	1.730	
47	20-070	Trạm Y tế xã Hồng phong	3.421	
48	20-071	Trạm Y tế xã Bình Gia - Điểm trạm Mông Ân	1.303	

49	20-072	Trạm Y tế xã Tân Văn - Điểm trạm Tân Văn	4.228	
50	20-073	Trạm Y tế xã Quý Hòa - Điểm trạm Vĩnh Yên	317	
51	20-074	Trạm Y tế xã Tân Văn - Điểm trạm Bình La	401	
52	20-075	Trạm Y tế xã Hoa Thám - Điểm trạm Hưng Đạo	1.788	
53	20-076	Trạm Y tế xã Thiện Long - Điểm trạm Tân Hòa	1.086	
54	20-078	Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ - Điểm trạm Nhạc Kỳ	474	
55	20-079	Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ - Điểm trạm Hồng Thái	481	
56	20-080	Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ - Điểm trạm Hoàng Văn Thụ	9.509	
57	20-082	Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ	1.531	
58	20-083	Trạm Y tế xã Na Sầm	2.130	
59	20-084	Trạm Y tế xã Thụy Hùng	3.749	
60	20-086	Trạm Y tế xã Thụy Hùng - Điểm trạm Trùng Khánh	420	
61	20-092	Trạm y tế xã Văn Lãng - Điểm trạm Bắc La	1.205	
62	20-093	Trạm Y tế xã Văn Lãng - Điểm trạm Thành Hòa	1.356	
63	20-095	Trạm Y tế xã Hội Hoan	4.523	
64	20-098	Trạm y tế xã Bắc Sơn	3.332	
65	20-101	Trạm Y tế xã Hưng Vũ - Điểm trạm Hưng Vũ	4.680	
66	20-102	Trạm Y tế xã Hưng Vũ	4.533	
67	20-103	Trạm Y tế xã Vũ Lãng	7.487	
68	20-105	Trạm Y tế xã Nhất Hòa	6.669	
69	20-106	Trạm Y tế xã Nhất Hòa - Điểm trạm Nhất Tiến	850	
70	20-108	Trạm Y tế xã Tân Tri	5.638	
71	20-110	Trạm Y tế xã Vũ Lễ - Điểm trạm Chiến Thắng	7.556	
72	20-111	Trạm Y tế xã Vũ Lễ - Điểm trạm Vũ Sơn	1.979	
73	20-112	Trạm Y tế xã Tân Tri - Điểm trạm Đồng Ý	2.574	
74	20-113	Trạm Y tế xã Tân Tri - Điểm trạm Vạn Thủy	1.188	
75	20-115	Trạm Y tế xã Vũ Lãng - Điểm trạm Tân Lập	1.595	
76	20-122	Trạm Y tế xã Tri Lễ - Điểm trạm Hữu Lễ	1.157	
77	20-123	Trạm Y tế xã Văn Quan - Điểm trạm Hòa Bình	999	
78	20-124	Trạm Y tế xã Khánh Khê	7.918	
79	20-125	Trạm Y tế xã Tri Lễ - Điểm trạm Lương Năng	2.034	
80	20-129	Trạm Y tế xã Văn Quan - Điểm trạm Tú Xuyên	2.279	
81	20-131	Trạm Y tế xã Tân Đoàn - Điểm trạm Trảng Phái	2.570	
82	20-133	Trạm Y tế xã Diêm He - Điểm trạm Trấn Ninh	1.934	
83	20-134	Trạm Y tế xã Tri Lễ	4.697	
84	20-140	Trạm Y tế xã Yên Phúc	4.759	
85	20-143	Trạm Y tế xã Tân Đoàn - Điểm trạm Tân Thành	310	
86	20-144	Trạm Y tế xã Khánh Khê - Điểm trạm Xuân Long	1.828	
87	20-145	Trạm Y tế xã Đồng Đăng - Điểm trạm Phú Xá	311	
88	20-149	Trạm Y tế xã Đồng Đăng - Điểm trạm Bảo Lâm	487	
89	20-150	Trạm Y tế xã Cao Lộc - Điểm trạm Thạch Đạn	2.385	
90	20-151	Trạm Y tế xã Cao Lộc	1.674	
91	20-152	Trạm Y tế xã Đồng Đăng - Điểm trạm Thụy Hùng	3.593	
92	20-153	Trạm Y tế xã Ba Sơn	3.000	
93	20-154	Trạm Y tế xã Ba Sơn - Điểm trạm Xuất Lễ	3.638	
94	20-155	Trạm Y tế xã Công Sơn - Điểm trạm Công Sơn	1.400	
95	20-156	Trạm Y tế Ba Sơn - Điểm trạm Mẫu Sơn	381	
96	20-157	Trạm Y tế xã Công Sơn	2.320	
97	20-158	Trạm Y tế xã Công Sơn - Điểm trạm Hải Yến	304	
98	20-159	Trạm Y tế phường Kỳ Lừa - Điểm trạm Hợp Thành	430	
99	20-160	Trạm Y tế Phường Kỳ Lừa - Điểm trạm Gia Cát	3.116	
100	20-161	Trạm Y tế phường Kỳ Lừa - Điểm trạm Tân Liên	2.210	
101	20-162	Trạm y tế Phường Đông Kinh - Điểm trạm Yên Trạch	3.080	
102	20-163	Trạm Y tế xã Cao Lộc - Điểm trạm Thanh Loà	1.323	

103	20-164	Trạm Y tế xã Lộc Bình - Điểm trạm Lộc Bình	300	
104	20-165	Trạm Y tế xã Na Dương	11.660	
105	20-167	Trạm Y tế xã Lộc Bình - Điểm trạm Đồng Bục	1.594	
106	20-172	Trạm Y tế xã Lộc Bình	2.840	
107	20-176	Trạm Y tế xã Xuân Dương	1.720	
108	20-177	Trạm Y tế xã Thống Nhất - Điểm trạm Hữu Lân	434	
109	20-178	Trạm y tế xã Mẫu Sơn - Điểm trạm Mẫu Sơn	5.483	
110	20-179	Trạm Y tế xã Xuân Dương - Điểm trạm Nam Quan	2.105	
111	20-182	Trạm Y tế xã Lợi Bắc	2.787	
112	20-183	Trạm Y tế xã Lợi Bắc - Điểm trạm Sàn Viên	2.564	
113	20-184	Trạm Y tế xã Mẫu Sơn	711	
114	20-185	Trạm Y tế xã Mẫu Sơn - Điểm trạm Tú Mịch	1.573	
115	20-186	Trạm Y tế xã Na Dương - Điểm trạm Tú Đoạn	1.068	
116	20-187	Trạm Y tế xã Khuất Xá - Điểm trạm Tam Gia	485	
117	20-188	Trạm Y tế xã Xuân Dương - Điểm trạm Ái Quốc	1.973	
118	20-190	Trạm Y tế xã Na Dương - Điểm trạm Đông Quan	5.448	
119	20-191	Trạm Y tế xã Khuất Xá	6.768	
120	20-193	Trạm Y tế xã Chi Lăng - Điểm trạm Chi Lăng	2.835	
121	20-195	Trạm Y tế xã Chi Lăng	3.751	
122	20-199	Trạm Y tế xã Nhân Lý	6.661	
123	20-200	Trạm Y tế xã Chiến Thắng - Điểm trạm Vân Thủy	1.921	
124	20-201	Trạm Y tế xã Quan Sơn	3.354	
125	20-202	Trạm Y tế xã Nhân Lý - Điểm trạm Lâm Sơn	1.320	
126	20-203	Trạm Y tế xã Chiến Thắng - Điểm trạm Liên Sơn	624	
127	20-204	Trạm Y tế xã Chiến Thắng - Điểm trạm Vân An	2.927	
128	20-205	Trạm Y tế xã Chiến Thắng	3.573	
129	20-206	Trạm Y tế xã Quan Sơn - Điểm trạm Hữu Kiên	2.327	
130	20-207	Trạm Y tế xã Bằng Mạc - Điểm trạm Thượng Cường	684	
131	20-208	Trạm Y tế xã Vạn Linh	9.451	
132	20-210	Trạm Y tế xã Bằng Mạc - Điểm trạm Bằng Hữu	1.636	
133	20-211	Trạm Y tế xã Bằng Mạc	7.381	
134	20-213	Trạm Y tế xã Vạn Linh - Điểm trạm Y Tịch	681	
135	20-215	Trạm Y tế xã Thái Bình	4.024	
136	20-216	Trạm y tế xã Đình Lập	2.498	
137	20-217	Trạm Y tế xã Kiên Mộc - Điểm trạm Bắc Xá	362	
138	20-218	Trạm y tế xã Kiên Mộc	6.338	
139	20-219	Trạm Y tế Xã Kiên Mộc - Điểm trạm Bính Xá	826	
140	20-220	Trạm Y tế xã Châu Sơn	3.073	
141	20-222	Trạm Y tế xã Châu Sơn - Điểm trạm Cường Lợi	893	
142	20-225	Trạm Y tế xã Thái Bình - Điểm trạm Lâm Ca	2.940	
143	20-228	Trạm Y tế xã Hữu Lũng - Điểm trạm Đồng Tân	3.229	
144	20-230	Trạm Y tế xã Vân Nham - Điểm trạm Minh Tiến	1.031	
145	20-231	Trạm Y tế xã Thiện Tân - Điểm trạm Thanh Sơn	2.439	
146	20-233	Trạm Y tế xã Thiện Tân	3.793	
147	20-235	Trạm Y tế xã Yên Bình - Điểm trạm Quyết Thắng	1.495	
148	20-236	Trạm Y tế xã Yên Bình	6.768	
149	20-237	Trạm Y tế xã Yên Bình - Điểm trạm Hòa Bình	2.181	
150	20-238	Trạm Y tế xã Tân Thành - Điểm trạm Hòa Lạc	1.349	
151	20-239	Trạm Y tế xã Tuấn Sơn - Điểm trạm Hòa Thắng	6.042	
152	20-240	Trạm Y tế xã Hữu Lũng	2.984	
153	20-241	Trạm Y tế xã Vân Nham - Điểm trạm Nhật Tiến	1.230	
154	20-242	Trạm Y tế xã Tuấn Sơn - Điểm trạm Minh Sơn	2.925	
155	20-243	Trạm Y tế xã Vân Nham	11.958	
156	20-244	Trạm Y tế xã Tân Thành - Điểm trạm Hòa Sơn	4.120	
157	20-245	Trạm Y tế xã Hữu Liên - Điểm trạm Hữu Liên	2.922	

158	20-246	Trạm Y tế xã Tân Thành	8.833	
159	20-248	Trạm Y tế xã Cai Kinh - Điểm trạm Yên Vượng	1.648	
160	20-249	Trạm Y tế xã Hữu Liên	3.621	
161	20-250	Trạm Y tế xã Cai Kinh	4.946	
162	20-251	Trạm Y tế xã Tuấn Sơn	5.239	
163	20-275	Phòng khám đa khoa trung tâm Lạng Sơn (thuộc Công ty cổ phần Dược phẩm và vật tư y tế Lạng Sơn)	24.407	
164	20-277	Bệnh xá Công an tỉnh Lạng Sơn	453	
165	20-278	Phòng khám đa khoa Xứ Lạng (thuộc Công ty cổ phần dược phẩm và trang thiết bị y tế Lạng Sơn)	6.202	
166	20-280	Phòng khám Hà Nội Medic (Thuộc chi nhánh công ty cổ phần phát triển đầu tư công nghệ Hà nội Medic)	310	
167	20-283	Phòng khám đa khoa Trường Sinh Hà Nội - Lạng Sơn (thuộc công ty cổ phần y dược Trường Sinh - Lạng Sơn)	10.427	
168	20-285	Phòng Khám đa khoa TNC CENTER (thuộc Công ty cổ phần bệnh viện Đa khoa TNC CENTER)	516	
169	20-288	Phòng khám đa khoa quốc tế Ngọc Lan (thuộc công ty TNHH MTV y tế Thiên Ngọc Lan)	10.898	
170	20-289	Trạm Y tế xã Thiện Tân - Điểm trạm Thiện Tân	4.982	
171	20-290	Trạm Y tế xã Lộc Bình - Điểm trạm Khánh Xuân	1.618	
172	20-291	Trạm Y tế xã Thống Nhất - Điểm trạm Minh Hiệp	416	
173	20-292	Trạm Y tế xã Thống Nhất	10.823	
174	20-293	Trạm Y tế xã Na Sầm - Điểm trạm Bắc Hùng	2.016	
175	20-294	Trạm Y tế xã Văn Lãng	2.775	
176	20-295	Trạm Y tế xã Yên Phúc - Điểm trạm An Sơn	4.955	
177	20-296	Trạm Y tế xã Diêm He	4.713	
178	20-297	Trạm Y tế xã Diêm He - Điểm trạm Liên Hội	2.687	
179	20-298	Trạm Y tế xã Bắc Sơn - Điểm trạm Bắc Quỳnh	2.843	
180	20-299	Phòng Khám Đa Khoa Hạnh Phúc (thuộc công ty cổ phần y tế Hạnh Phúc Việt)	300	
181	20-300	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Lạng Sơn - cơ sở 2 thuộc chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm và vật tư y tế Lạng Sơn – tại Lạng Sơn	1.074	
182	20-302	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội - Tràng Định (thuộc Công ty TNHH Đầu tư phát triển Y tế Ngọc Sơn)	300	
183	20-303	Phòng khám đa khoa Lộc Bình (thuộc Công ty cổ phần y dược Lộc Bình)	300	
184	20-304	Trạm Y tế xã Thất Khê	1.191	
185	20-306	Trạm Y tế xã Vũ Lễ	1.029	
186	20-307	Trạm Y tế xã Đồng Đăng	253	
187	20-308	Trạm Y tế xã Văn Quan	200	
188	20-311	Phòng khám đa khoa quốc tế Lạng Sơn thuộc Công ty TNHH Y tế Quốc tế Lạng Sơn	10855	
189	20-312	Bệnh viện TNH Lạng Sơn thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn	9432	
Tổng cộng			695.200	

